

ly hôn với anh C là do: anh C đi làm nhưng thu nhập không đủ lo cho vợ con nên cha mẹ chị cho tiền để mở quán nhỏ kinh doanh. Tuy nhiên, từ ngày mở quán, anh C nhiều lần chơi bài bạc, có khi chơi từ chiều cho đến sáng hôm sau, chị đã nói nhiều lần nhưng anh C không nghe mà còn đòi đánh và hăm dọa chị. Hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn, thu nhập của anh C không đủ trang trải nên chị có bàn bạc với anh C để chị vào Sài Gòn làm kiếm tiền nuôi con. Khi đi, anh C có làm hồ sơ xin việc cho chị, không có ý kiến gì. Sau khi chị đi vào Sài Gòn làm ăn thì gia đình anh C cho rằng chị đi theo trai bỏ con, bỏ chồng, dùng những lời lẽ xúc phạm chị. Hơn nữa anh C còn tự ý sang nhượng quán cho người khác, dẫn con về nhà cha mẹ đẻ của anh sinh sống. Sau khi quay về, chị đến thăm con thì bản thân anh C và gia đình cản trở, không cho chị thăm con. Ngoài ra, gia đình anh C nhiều lần nói rằng chị bỏ chồng con đi theo người khác và nhiều lần xúc phạm đến cha mẹ chị.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể tiếp tục sống chung nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về quan hệ con chung: Giữa anh chị có một con chung như chị trình bày, hiện nay anh C đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Vì:

- + Hiện nay cháu K còn nhỏ, anh C chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo, bản thân chị là mẹ sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng tốt hơn;

- + Anh C không trực tiếp chăm sóc con chung mà giao cho cha mẹ anh chăm sóc, gia đình anh C có nhiều con cháu cùng sống chung một nhà nên việc nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo;

- + Bản thân chị có công việc, thu nhập, gia đình chị chỉ có cha mẹ và bản thân chị, chỗ ở rộng rãi, có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung;

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện, chị yêu cầu được nhận nuôi con và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nhưng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Theo đơn khởi kiện, chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung là 02 hai xe gắn máy (một xe gắn máy hiệu Yamaha Sirius và một xe tay ga hiệu Yamaha Acruso). Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, anh chị tự thương lượng và chị có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu giải quyết tài sản chung.

Về quan hệ nợ chung: Theo đơn khởi kiện, chị yêu cầu giải quyết khoản nợ mà chị và anh C đã mượn cha mẹ chị để mua xe. Tuy nhiên, sau đó giữa anh chị và cha mẹ đã tự thương lượng với nhau, cha mẹ của chị rút yêu cầu độc lập, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết gì thêm.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn trình bày như sau:

Anh thống nhất như lời trình bày của chị C về việc anh chị có tự nguyện tìm hiểu trước khi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Trung vào năm 2010.

Những nguyên nhân mà chị C trình bày để yêu cầu ly hôn thì anh xác định là anh có chơi cờ bạc, số đề nhưng nguyên nhân chính dẫn đến việc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do chị C ngoại tình, bỏ nhà đi mang theo tài sản của vợ chồng giao cho người tình của chị sử dụng. Khi biết việc này, anh đã khuyên chị và tha thứ tất cả để vợ chồng tiếp tục sống với nhau, cùng nhau chăm lo cho con và chị đồng ý theo anh về. Tuy nhiên, chỉ được một thời gian thì chị lại tiếp tục vào Sài Gòn sống với người tình, bỏ mặc con ốm đau không lo. Trong thời gian chị C bỏ đi thì anh vẫn ở nhà cha mẹ vợ, sau đó anh dẫn con về cha mẹ đẻ sinh sống và anh đã chuyển nhượng quán cho người khác để lấy tiền chữa bệnh cho con. Từ ngày chị C bỏ đi đến nay đã gần một năm, anh chị không còn sống chung, hôn nhân không còn hạnh phúc nên việc chị C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh thì anh đồng ý.

Về con chung: Giữa anh chị có một con chung tên là Nguyễn Đức K, sinh ngày 02/9/2012, hiện nay anh đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh yêu cầu Tòa giải quyết cho anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng con, anh không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con. Anh yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, vì:

- + Từ ngày chị C bỏ đi đến nay, anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, con được đi học, phát triển khỏe mạnh. Ngoài ra, trong thời gian chị C bỏ đi, con bị bệnh, anh có yêu cầu chị C về để cùng nhau chữa trị cho con nhưng cho không về;

- + Bản thân anh hiện nay đang làm việc tại công ty PMS, thu nhập bình quân hàng tháng hơn 6.000.000 đồng;

- + Gia đình cha mẹ anh có nhà rộng rãi, đủ điều kiện nuôi con;

- Về tài sản chung: Tại bản tự khai, anh trình bày giữa anh và chị C có một số tài sản chung và anh có yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, tại buổi hòa giải ngày 04/8/2017, anh chị tự thỏa thuận và rút yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định trong thời gian sống chung, anh và chị C có nợ cha mẹ vợ là ông Lê Văn Ch và bà Mai Thị Ph số tiền là 36.000.000 đồng và có yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án giải quyết, anh chị và vợ chồng ông Ch, bà Ph đã tự thương lượng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết gì thêm.

Tại đơn yêu cầu độc lập, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ chồng ông Lê Văn Ch, bà Mai Thị Ph trình bày như sau:

Ông bà là cha mẹ của chị Lê Thị C, vào tháng 02 năm 2017, chị C, anh C có mua một xe tay ga và có mượn của vợ chồng ông bà số tiền là 36.000.000 đồng, hiện nay chưa trả. Việc vay mượn tiền không viết giấy tờ gì nhưng thực tế có việc này.

Khi Tòa án thụ lý vụ án, ông bà có yêu cầu độc lập, yêu cầu chị C, anh C hoàn trả số tiền này cho ông bà. Tuy nhiên, hiện nay giữa vợ chồng ông bà với chị

C, anh C đã tự thỏa thuận với nhau nên ông bà rút yêu cầu độc lập, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền nợ này.

Ngoài ra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không trình bày gì thêm.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình tố tụng: Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa C và anh C;

+ Về quan hệ con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho chị C chăm sóc, nuôi dưỡng;

+ Về tài sản chung: giữa nguyên đơn và bị đơn đã tự thỏa thuận với nhau, nguyên đơn rút yêu cầu giải quyết tài sản chung, bị đơn đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung;

+ Về nợ chung: người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan rút yêu cầu độc lập nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của ông Lê Văn Ch và bà Mai Thị Ph.

- Kiến nghị: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lê Thị C và anh Nguyễn Văn C là hợp pháp, có tự nguyện tìm hiểu trước khi kết hôn, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 17 tháng 10 năm 2010. Mâu thuẫn giữa vợ chồng phát sinh từ vợ chồng không còn tin tưởng nhau, chị C cho rằng anh C nhiều lần cờ bạc, gia đình anh C nhiều lần xúc phạm cha mẹ chị. Bản thân anh C thừa nhận anh có chơi bài bạc nhưng anh cho rằng chị C ngoại tình, bỏ con đi sống chung với nhân tình, vợ chồng không còn sống chung, hôn nhân không có hạnh phúc nên anh đồng ý ly hôn.

Xét thấy dù Tòa đã tiến hành hòa giải khuyên các bên đoàn tụ nhưng quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh C không còn khả năng đoàn tụ, vợ chồng không còn sống chung, các bên thừa nhận không còn tình cảm với nhau, hôn nhân không có hạnh phúc nên thuận tình ly hôn. Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, việc thuận tình ly hôn giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2] Về quan hệ con chung: Chị C và anh C đều thống nhất giữa anh chị có một con chung tên là Nguyễn Đức K, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2012, hiện anh C đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, cả hai bên đều có yêu cầu được nhận nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con chung chưa thành niên cho cha hoặc cho mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con chung cũng như các điều kiện để đảm bảo cho việc phát triển của con. Xét

thấy C hiện nay có công việc, có thu nhập, gia đình chị hiện nay chỉ có cha mẹ và bản thân chị, chỗ ở rộng rãi, thuận tiện và cha mẹ chị cũng có mong muốn chị C được nuôi con. Trong khi đó, mặc dù anh C cũng có nguyện vọng được nuôi con chung nhưng điều kiện về chỗ ở của anh không tốt bằng chị C, gia đình anh có nhiều thế hệ cùng chung sống trong một nhà, anh nuôi dưỡng con nhưng cha anh là người trực tiếp đưa đón đi học, chăm sóc trong thời gian anh đi làm. Bên cạnh đó, ngoài việc chăm sóc con của anh thì gia đình anh còn chăm sóc cháu ngoại (con của chị Nguyễn Thị M - đã ly hôn). Mặt khác, cháu K hiện nay còn nhỏ nên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của người mẹ nhiều hơn, mặc dù anh C có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con nhưng xét thấy việc giao con chung cho mẹ nuôi dưỡng sẽ tốt hơn nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh C, cần giao cháu Nguyễn Đức K cho chị C chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, chị C trình bày giữa chị và anh C có tài sản chung là một xe gắn máy hiệu Yamaha Sirius và một xe tay ga hiệu Yamaha Acruso, chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi các tài sản này. Anh C cũng thống nhất giữa anh và chị C có các tài sản chung như chị C trình bày và đồng ý chia. Tuy nhiên, vào ngày 04/8/2017, chị C có đơn rút yêu cầu chia tài sản chung với lý do anh chị đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, anh C cũng thống nhất, đồng ý với việc rút yêu cầu chia tài sản chung của chị C. Xét thấy việc chị C rút yêu cầu chia tài sản chung là hoàn toàn tự nguyện, bị đơn không có yêu cầu phản tố, đồng ý với việc rút yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung.

[4] Về quan hệ nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị C, anh C xác định anh chị có nợ ông Lê Văn Ch, bà Mai Thị Ph số tiền là 36.000.000 đồng, vợ chồng ông Ch, bà Ph có yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị C, anh C trả khoản nợ này cho ông bà. Tuy nhiên, vào ngày 04/8/2017, vợ chồng ông Ch, bà Ph có đơn rút yêu cầu độc lập với lý do các bên tự thương lượng, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy việc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan rút yêu cầu độc lập là hoàn toàn tự nguyện, nguyên đơn, bị đơn không có ý kiến gì về việc rút đơn này nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của vợ chồng ông Ch, bà Ph, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí mà ông bà đã nộp.

Đối với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Án phí:

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị C phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ số tiền 1.050.000 đồng mà chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0002256 ngày 16/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Sơn. Còn phải hoàn trả lại cho chị Lê Thị C số tiền là **750.000 đồng** (*bảy trăm, năm mươi nghìn đồng*).

- Hoàn trả lại cho vợ chồng ông Lê Văn Ch, bà Mai Thị Ph số tiền là **900.000 đồng** (*chín trăm nghìn đồng*) mà vợ chồng ông bà đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0002276, ngày 10/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, 218, 219, 235, 264, 266, 267, 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị C, sinh năm 1988, nơi cư trú: xóm 4, thôn T, xã Bình T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi và anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1981, nơi cư trú: xóm T4, thôn T, xã Bình T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Về quan hệ con chung: Xác định giữa chị Lê Thị C và anh Nguyễn Văn C có một con chung tên là Nguyễn Đức K, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2012, hiện nay anh C đang chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Buộc anh Nguyễn Văn C có nghĩa vụ giao lại cháu Nguyễn Đức K, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2012 cho chị Lê Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục;

- Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

Người trực tiếp nuôi con sau ly hôn được thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Khi có lý do chính đáng, nếu các bên không tự thỏa thuận được thì các cá nhân, cơ quan, tổ chức được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc người không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật HN&GD năm 2014 và pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung giữa chị Lê Thị C với anh Nguyễn Văn C.

4. Về quan hệ nợ chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của vợ chồng ông Lê Văn Ch và bà Mai Thị Ph về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị C, anh C trả nợ khi ly hôn.

5. Án phí:

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị C phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ số tiền 1.050.000 đồng mà chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0002256 ngày 16/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Sơn. Còn phải hoàn trả lại cho chị Lê Thị C số tiền là **750.000 đồng** (*bảy trăm, năm mươi nghìn đồng*).

- Hoàn trả lại cho vợ chồng ông Lê Văn Ch, bà Mai Thị Ph số tiền là **900.000 đồng** (*chín trăm nghìn đồng*) mà vợ chồng ông bà đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0002276, ngày 10/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn. Thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/8/2017).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, CCTHADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình T;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đoàn Kiều Trung

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Kiều Trung

